TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 805/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2019
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hễ;

2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H (số 26 đường LTT, phường BN, Quận M, Thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 175/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2704/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê P, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số 664/5^{A} Khu phố H (trước đây là 0664/5^{A} ấp N), phường Đ (trước đây là xã Đ), Quận MH (trước đây là huyện HM), Thành phố H (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh X, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số 1714 Indian School Garland TX 75044-0000, USA (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25.12.2017 và trong quá trình tố tụng, ông Lê P - nguyên đơn trình bày:

Ông và bà Huỳnh X tự nguyện sống chung sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện HM, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/82 ngày 20.02.1982.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà số 0664/5^{A} ấp 5, xã Đ, huyện HM và có 04 con chung là Lê T, sinh năm 1982; Lê C, sinh năm 1984; Lê H, sinh năm 1985 và Lê H, sinh năm 1987.

Ngày 13.4.2004, Ông và bà X cùng các con sang Mỹ định cư.

Năm 2009, do chị ruột đang bị bệnh nặng nên ông P trở về Việt Nam để chăm sóc còn bà X và các con vẫn sinh sống tại Mỹ cho đến nay, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng bà X không đồng ý về Việt Nam sinh sống cùng Ông nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Ông P cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà X để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Ông P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp để thông báo thời gian tổ chức các phiên họp hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bà Huỳnh X không có mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Lê P vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Huỳnh X vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Lê P và bà Huỳnh X là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Quận MH, Thành phố H; bị đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân Thành phố H đã gửi văn bản Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án cho bị đơn bà Huỳnh X theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 06.11.2018, Tòa án nhận được văn bản của Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ thông báo kết quả ủy thác tư pháp cho bà X; tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai bị đơn đều không có mặt, Tòa án không nhận được ý kiến trả lời của bà X nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 22.5.2018, nguyên đơn ông Lê P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/82 ngày 20.02.1982 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện HM, Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Lê P và bà Huỳnh X là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn thì mâu thuẫn phát sinh do ông P và bà X mỗi người sinh sống và làm việc ở mỗi nơi nên vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ dẫn đến mâu thuẫn nên yêu cầu ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố H đã làm thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo cho bị đơn biết yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và thời gian, địa điểm đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, lần thứ hai nhưng không nhận được ý kiến trả lời; điều này cho thấy bà X không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với ông P, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Lê Văn Phước và bà Huỳnh Thị X đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông P có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung: Ông P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê P phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê P.

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Lê P được ly hôn với bà Huỳnh X.

- Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Lê P chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2017/0044344 ngày 24.4.2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông P không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Lê P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Bà Huỳnh X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND TPH;
- Sở Tư pháp TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan